

CHÍNH PHỦ  
Số: 64/2002/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2002

## NGHỊ ĐỊNH

### Về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần

#### CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp nhà nước ngày 20 tháng 4 năm 1995;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### NGHỊ ĐỊNH:

##### Chương 1:

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1.** Mục tiêu của việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là cổ phần hoá)

- Góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của doanh nghiệp; tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, trong đó có đông đảo người lao động; tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động cho doanh nghiệp để sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của Nhà nước và của doanh nghiệp.
- Huy động vốn của toàn xã hội, bao gồm: cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong nước và ngoài nước để đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển doanh nghiệp.
- Phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, của các cổ đông; tăng cường sự giám sát của nhà đầu tư đối với doanh nghiệp; bảo đảm hài hoà lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.

**Điều 2.** Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với các doanh nghiệp và đơn vị phụ thuộc của các doanh nghiệp quy định tại Điều 1 của Luật Doanh nghiệp nhà nước (trừ những doanh nghiệp Nhà nước cần tiếp tục nắm giữ 100% vốn điều lệ), không phụ thuộc vào thực trạng kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định trong từng thời kỳ.

2. Việc cổ phần hoá đơn vị phụ thuộc của các doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được tiến hành khi:

- a) Đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp có đủ điều kiện hạch toán độc lập;
- b) Không gây khó khăn hoặc ảnh hưởng xấu đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp hoặc các bộ phận còn lại của doanh nghiệp.

3. Những doanh nghiệp hạch toán độc lập thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này có vốn nhà nước trên sổ sách kế toán dưới 5 tỷ đồng nếu không cổ phần hoá được thì thực hiện giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Hình thức cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước**

- 1. Giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành cổ phiếu thu hút thêm vốn.
- 2. Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp.
- 3. Bán toàn bộ vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp.
- 4. Thực hiện các hình thức 2 hoặc 3 kết hợp với phát hành cổ phiếu thu hút thêm vốn.

### **Điều 4. Đối tượng và điều kiện mua cổ phần**

- 1. Các đối tượng sau đây được quyền mua cổ phần ở các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá:
  - a) Các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và cá nhân người Việt Nam ở trong nước (sau đây gọi tắt là nhà đầu tư trong nước);
  - b) Các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và cá nhân người nước ngoài, kể cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài định cư ở Việt Nam (sau đây gọi tắt là nhà đầu tư nước ngoài).

2. Nhà đầu tư nước ngoài có nhu cầu mua cổ phần ở các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá phải mở tài khoản tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam. Mọi hoạt động mua, bán cổ phần; nhận, sử dụng cổ tức và các khoản thu khác từ đầu tư mua cổ phần đều phải thông qua tài khoản này.

#### **Điều 5.** Quyền được mua cổ phần lần đầu tại các doanh nghiệp cổ phần hoá

Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này đều có quyền mua cổ phần lần đầu tại các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hoá với số lượng không hạn chế; nhưng phải bảo đảm các quy định hiện hành của Nhà nước về số lượng cổ đông tối thiểu, cổ phần chi phối của Nhà nước tại các doanh nghiệp mà Nhà nước cần nắm giữ cổ phần chi phối.

Các nhà đầu tư nước ngoài được mua số lượng cổ phần có tổng giá trị không quá 30% vốn điều lệ của các doanh nghiệp hoạt động trong những ngành nghề do Thủ tướng Chính phủ quy định.

#### **Điều 6.** Cổ phiếu và cổ đông sáng lập

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty cổ phần phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của cổ đông góp vốn trong Công ty. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên nhưng phải có đủ nội dung chủ yếu quy định tại Điều 59 của Luật Doanh nghiệp.

Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu cổ phiếu thống nhất để các doanh nghiệp in và quản lý theo quy định.

2. Cổ đông sáng lập của doanh nghiệp cổ phần hoá là những cổ đông có đủ các điều kiện sau:

- a) Tham gia thông qua Điều lệ lần đầu của Công ty cổ phần;
- b) Cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán;
- c) Sở hữu số lượng cổ phần bảo đảm mức tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty. Số lượng cổ phần tối thiểu của mỗi cổ đông sáng lập và số lượng cổ đông sáng lập do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quy định tại Điều lệ Công ty.

#### **Điều 7.** Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp cổ phần hoá

1. Doanh nghiệp cổ phần hoá có trách nhiệm sắp xếp, sử dụng tối đa số lao động có tại thời điểm cổ phần hoá và giải quyết các chế độ cho người lao động theo quy định hiện hành.

Công ty cổ phần có trách nhiệm kế thừa mọi nghĩa vụ đối với người lao động từ doanh nghiệp nhà nước chuyển sang; có quyền tuyển chọn, bố trí sử dụng lao động và phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật.

2. Công ty cổ phần được chủ động sử dụng toàn bộ tài sản, tiền vốn đã cổ phần hoá để tổ chức sản xuất kinh doanh; kế thừa mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của doanh nghiệp nhà nước trước khi cổ phần hoá và có các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty nhà nước cổ phần hoá mà Nhà nước giữ cổ phần chi phối (trên 50% vốn điều lệ) thì vẫn là thành viên của Tổng công ty.

#### **Điều 8. Bảo hộ của Nhà nước đối với nhà đầu tư**

Quyền sở hữu và mọi quyền, lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài mua cổ phần ở các doanh nghiệp cổ phần hoá được Nhà nước bảo hộ theo quy định của pháp luật.

### **Chương 2:**

## **XỬ LÝ TÀI CHÍNH VÀ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HOÁ**

**Điều 9.** Tài sản thuê, mượn, nhận góp vốn liên doanh, liên kết, tài sản không cần dùng, tài sản được đầu tư bằng Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi

Trước khi thực hiện cổ phần hoá, doanh nghiệp phải tiến hành kiểm kê, phân loại và chủ động xử lý theo quy định sau:

1. Đối với tài sản do doanh nghiệp thuê, mượn, nhận góp vốn liên doanh, liên kết và các tài sản khác không phải của doanh nghiệp: doanh nghiệp phải thanh lý hợp đồng hoặc thoả thuận với chủ sở hữu tài sản để Công ty cổ phần kế thừa các hợp đồng đã ký trước đây hoặc ký lại hợp đồng mới.

2. Đối với những tài sản của doanh nghiệp không cần dùng, ứ đọng, chờ thanh lý: doanh nghiệp thanh lý, nhượng bán hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền để điều chuyển cho đơn vị khác theo quy định hiện hành. Trường hợp đến thời điểm cổ phần hoá chưa kịp xử lý thì không tính vào giá trị doanh nghiệp và uỷ quyền cho Công ty cổ phần tiếp tục bảo quản, xử lý hoặc chuyển cho tổ chức của Nhà nước có chức năng tiếp nhận, giải quyết.

3. Đối với những tài sản thuộc công trình phúc lợi: nhà trẻ, mẫu giáo, bệnh xá và các tài sản phúc lợi khác đầu tư bằng nguồn Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi thì chuyển giao cho tập thể người lao động trong Công ty cổ phần quản lý, sử dụng thông qua tổ chức công đoàn.

Riêng đối với nhà ở của cán bộ, công nhân viên, kể cả nhà ở được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước, thì chuyển giao cho cơ quan nhà đất của địa phương để quản lý hoặc bán cho người đang sử dụng theo quy định hiện hành.

4. Đối với tài sản đang dùng trong sản xuất kinh doanh đầu tư bằng nguồn Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi của doanh nghiệp thì tính vào giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá và chuyển thành cổ phần thuộc sở hữu của người lao động trong doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hoá theo thời gian thực tế đã làm việc của từng người tại doanh nghiệp.

#### **Điều 10.** Các khoản nợ phải thu

Doanh nghiệp có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận, thu hồi và xử lý các khoản nợ phải thu trước khi cổ phần hoá theo cơ chế hiện hành. Trường hợp đến thời điểm cổ phần hoá còn tồn đọng nợ phải thu khó đòi thì xử lý như sau:

1. Đối với các khoản nợ đã có đủ chứng cứ là không có khả năng thu hồi, không xác định được trách nhiệm cá nhân, tổ chức thì dùng nguồn dự phòng để bù đắp, nếu thiếu thì phần chênh lệch được trừ vào kết quả kinh doanh, giảm lãi tại thời điểm cổ phần hoá. Trường hợp các nguồn trên không đủ bù thì phần chênh lệch được trừ vào phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp trước khi cổ phần hoá.

2. Đối với các khoản nợ không có khả năng thu hồi do nguyên nhân chủ quan và đã quy được trách nhiệm thì xử lý trách nhiệm cá nhân, tổ chức để bồi thường. Phần